

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2020/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 26 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định Danh mục tài sản cố định đặc thù và Danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành danh mục sản phẩm phần mềm và phần cứng, điện tử;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 46/TTr-STC ngày 17 tháng 11 năm 2020 về ban hành Quyết định Quy định Danh mục tài sản cố định đặc thù và Danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Dương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Danh mục tài sản cố định đặc thù và Danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Giám đốc các sở ban, ngành và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đã ký: Nguyễn Hoàng Thao**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Danh mục tài sản cố định đặc thù và Danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Dương

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 29/2020/QĐ-UBND

ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định danh mục tài sản cố định đặc thù và danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình.

2. Các quy định khác về chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị); tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Dương.

Đối với các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thực hiện theo quy định riêng của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an.

2. Khuyến khích các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội áp dụng các quy định này.

Điều 3. Danh mục tài sản cố định đặc thù

STT	Danh mục
Loại 1	Cổ vật, hiện vật trưng bày trong bảo tàng, di tích lịch sử được xếp hạng do tỉnh quản lý
1	Nhóm hiện vật kim loại, nhựa, thủy tinh, đồ mộc, vải, giấy, phim ảnh, đồ da, xương, gốm, đất đá, tranh, ảnh và điêu khắc.

2	Nhóm hiện vật chất liệu khác.
Loại 2	Thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập

Điều 4. Danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình

STT	Danh mục	Thời gian sử dụng (năm)	Tỷ lệ hao mòn (% năm)
Loại 1	Quyền tác giả		
1	Tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học được bảo hộ quyền tác giả theo quy định của pháp luật, trừ chương trình máy tính.	50	2
2	Chương trình máy tính.	5	20
3	Quyền tác giả khác.	50	2
Loại 2	Quyền sở hữu công nghiệp		
1	Bằng độc quyền sáng chế.	20	5
2	Bằng độc quyền giải pháp hữu ích.	10	10
3	Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp.	5	20
4	Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn.	15	6,7
5	Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.	10	10
Loại 3	Quyền đối với giống cây trồng		
	Bằng bảo hộ giống cây trồng.	25	4
Loại 4	Phần mềm ứng dụng		
1	Phần mềm hệ thống, Phần mềm Cổng thông tin điện tử, Phần mềm kế toán, Phần mềm quản trị, xử lý thông tin cho website, Phần mềm an toàn thông tin, bảo mật và chống virus.	5	20

2	Phần mềm ứng dụng trong cơ quan nhà nước (phần mềm dịch vụ công trực tuyến, phần mềm một cửa điện tử, phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc,...).	5	20
3	Phần mềm chuyên ngành giáo dục đào tạo (phần mềm dạy học, phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm quản lý nghiệp vụ trường học,...).	5	20
4	Phần mềm chuyên ngành y tế (phần mềm quản lý nghiệp vụ bệnh viện, phần mềm quản lý y tế dự phòng,...).	5	20
5	Phần mềm chuyên ngành xây dựng (phần mềm hỗ trợ thiết kế, phần mềm quản lý quy hoạch, phần mềm quản lý thi công xây dựng,...).	5	20
6	Phần mềm chuyên ngành giao thông vận tải (phần mềm quản lý giám sát giao thông, phần mềm thu thập dữ liệu giao thông, phần mềm điều khiển tín hiệu giao thông,...)	5	20
7	Phần mềm chuyên ngành Truyền thông, đa phương tiện (phần mềm hội nghị, truyền hình trực tuyến, phần mềm xử lý ảnh,...).	5	20
8	Phần mềm ứng dụng khác.	5	20
Loại 5	Thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập (sử dụng vào hoạt động kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết mà không hình thành pháp nhân mới theo quy định của pháp luật).	50	2
Loại 6	Tài sản cố định vô hình khác, trừ quyền sử dụng đất	5	20

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản cố định thực hiện việc ghi sổ kế toán, theo dõi và quản lý theo đúng quy định.
2. Giao Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đã ký: Nguyễn Hoàng Thao